

Bản án số: 12/2025/DS-ST  
Ngày 07 - 3 - 2025  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Trọng Khôi

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Kim Sơn  
Ông Lê Văn La

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 13/01/2025. Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 13/02/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1960 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:**

1. Chị Hà Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Bà bán hàng thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nên từ những năm 2009 vợ chồng chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 có mua hàng của bà nhiều lần. Tính đến ngày 23/12/2009 vợ chồng chị T, anh L1 chốt công nợ, còn nợ bà tổng số tiền là 96.407.000đ. Khi đó chị T xin khất trả dần và thoả thuận xin chịu lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Kể từ khi chốt công nợ, ngày 23/3/2010 chị T, anh L1 trả cho bà được 4.200.000đ, ngày 26/6/2010 trả 8.000.000đ, ngày 03/12/2012 trả 20.000.000đ và ngày 26/12/2013 trả số tiền 10.000.000đ. Tổng cộng chị T, anh L1 đã trả cho bà số tiền: 42.200.000đ (bà trừ số tiền này vào tiền nợ gốc).

Sau nhiều lần bà yêu cầu chị T, anh L1 trả cho bà số tiền còn nợ nhưng chị T, anh L1 đều hứa hẹn khất nợ, đến khi chị T, anh L1 làm xong thủ tục ly hôn thì bà mới biết. Nay bà đề nghị Toà án, buộc chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 54.207.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 23/12/2009 đến ngày xét xử vụ án.

*\* Bị đơn:*

1. *chị chị Hà Thị T*, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị T vẫn không phối kết hợp để làm việc.

2. *Anh Nguyễn Văn L1 trình bày:* Anh kết hôn với chị Hà Thị T khoảng năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng anh có chăn nuôi lợn, có mua cám chịu của bà L. Hiện anh và chị T còn nợ tiền bà L, như bà L trình bày là đúng. Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh và chị Hà Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 54.207.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 23/12/2009 đến ngày xét xử vụ án. Anh đồng ý nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh xin trả dần.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà L có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Bà có chồng là Hoàng Ngọc T (chết năm 2022). Vợ chồng bà sinh được 04 người con là Hoàng Thị T, sinh năm 1981 lấy chồng ở thôn C, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hoàng Thị P, sinh năm 1983 lấy chồng ở huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoàng Thị H, sinh năm 1986 và Hoàng Văn C sinh năm 1991. Chồng con bà không liên quan gì đến việc mua bán cám này. Nay bà đề nghị Toà án buộc chị T, anh L1 phải liên đới trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 54.207.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 23/12/2009 đến ngày xét xử vụ án hôm nay. Chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Toà án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có mặt làm việc theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay bà L có mặt. Chị T, anh L1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 288, 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà Lê Thị L 54.207.000đ tiền gốc và 92.721.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 146.928.000đ (một trăm bốn sáu triệu chín trăm hai tám nghìn đồng). Cụ thể chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn L1 mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Lê Thị L 73.464.000đ (Bảy ba triệu bốn trăm sáu tư nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị L, khởi kiện đòi tiền bán thức ăn chăn nuôi với chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1; đều cư trú tại xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Theo sổ theo dõi mua bán cám do bà L xuất trình, thì bà L có bán cám chăn nuôi gia súc cho vợ chồng chị T, anh L1 nhiều lần từ năm 2009, hiện chị T, anh L1 đã ly hôn. Nay bà L yêu cầu chị T, anh L1 phải trả cho bà L 54.207.000đ tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 23/12/2009 đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bà L có mặt. Chị T, anh L1 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên năm 2009 bà Lê Thị L đã bán cám thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng chị T, anh L1 nhiều lần.

Các lần mua cám chịu đều được ghi sổ theo dõi bán hàng. Các lần chốt nợ tiền cám chưa trả đều được ghi sổ theo dõi bán hàng. Các lần thanh toán trả tiền cám đều được ghi sổ theo dõi bán hàng. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 06/2012/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2012 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã giải quyết cho anh Nguyễn Văn L1 và chị Hà Thị T được ly hôn. Khi ly hôn, về tài sản và số nợ anh L1, chị T không đề nghị giải quyết, nên Toà án nhân dân huyện Lạng Giang chưa xem xét giải quyết về tài sản và số nợ. Nay bà L đề nghị Toà án buộc chị T, anh L1 phải trả bà L số tiền gốc mua cám còn nợ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày cam kết trả nợ gốc và lãi đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.1] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc: Số tiền gốc chị T, anh L1 còn nợ bà L 54.207.000đ, phù hợp với bản gốc sổ theo dõi bán hàng do bà L xuất trình có chữ ký chữ viết xác nhận của chị Hà Thị T. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị T vẫn không phối kết hợp để làm việc. Tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 01/2025/QĐ-CCTLCC ngày 10/01/2025 yêu cầu chị Hà Thị T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc mua cám chịu và thanh toán trả tiền cám cho bà L. Tuy nhiên đến nay chị T vẫn không cung cấp tài liệu chứng cứ. Nên chị T phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ. Anh L1 xác định anh và chị T có mua cám chịu, hiện còn nợ số tiền mua cám chịu của bà L, như bà L trình bày là đúng, Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh và chị Hà Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 54.207.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 23/12/2009 đến ngày xét xử vụ án, anh đồng ý nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh xin trả dần. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bà L xác nhận, kể từ khi chốt công nợ ngày 23/12/2009 chị T xác nhận còn nợ bà L 96.407.000đ và đồng ý trả lãi theo ngân hàng (BL 32). Từ đó chị T, anh L1 đã trả tiền cám mua chịu còn nợ cho bà L các lần trả cụ thể như sau: Ngày 23/3/2010 trả 4.200.000đ. Ngày 26/6/2010 trả 8.000.000đ. Ngày 03/12/2012 trả 20.000.000đ. Ngày 26/12/2013 trả 10.000.000đ (BL 30, 31, 32). Tổng cộng chị T, anh L1 đã trả cho bà L được 42.200.000đ, số tiền này bà L trừ vào số tiền nợ gốc, hiện chị T, anh L1 còn nợ bà L 54.207.000đ. Đây là chứng cứ do bà L, anh L1 thừa nhận, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc mua cám còn nợ 54.207.000đ của bà L là có căn cứ, phù hợp Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015 cần chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Bà L xác định khi mua cám chịu các bên chỉ ghi sổ theo dõi bán hàng, không thoả thuận lãi suất. Ngày 23/12/2009 chị T có tự tay ghi vào

sổ theo dõi bán hàng, xác nhận còn nợ bà L 96.407.000đ và đồng ý trả lãi theo ngân hàng (BL 32). Từ đó chị T, anh L1 đã trả tiền gốc mua cầm chịu còn nợ cho bà L cụ thể như sau: Ngày 23/3/2010 trả 4.200.000đ (còn nợ 92.207.000đ). Ngày 26/6/2010 trả 8.000.000đ (còn nợ 84.207.000đ). Ngày 03/12/2012 trả 20.000.000đ (còn nợ 64.207.000đ). Ngày 26/12/2013 trả 10.000.000đ (còn nợ 54.207.000đ). Phía chị T, không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì về việc đã thanh toán trả tiền mua cầm còn nợ cho bà L, phía anh L1 thì thừa nhận còn nợ bà L số tiền như trên. Như vậy chị T, anh L1 đã cố tình chiếm dụng vốn của bà L, gây thiệt hại về tiền vốn cho bà L, chị T cam kết trả lãi suất từ ngày 23/12/2009. Nay bà L yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền còn nợ theo quy định của pháp luật là 10%/ năm kể từ ngày 23/12/2009 đến ngày xét xử vụ án, xét là phù hợp cần chấp nhận theo Điều 357 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

[2.3.1] Từ ngày 23/12/2009 đến ngày 23/3/2010 là 03 tháng. Lãi suất cụ thể  $96.407.000đ \times 10\%/năm \times 03 \text{ tháng} = 2.410.000đ$ .

[2.3.2] Từ ngày 24/3/2010 đến ngày 26/6/2010 là 03 tháng 02 ngày. Lãi suất cụ thể  $92.207.000đ \times 10\%/năm \times 03 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 2.356.000đ$ .

[2.3.4] Từ ngày 27/6/2010 đến ngày 03/12/2012 là 02 năm 05 tháng 06 ngày. Lãi suất cụ thể  $84.207.000đ \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 20.490.000đ$ .

[2.3.5] Từ ngày 04/12/2012 đến ngày 26/12/2013 là 01 năm 22 ngày. Lãi suất cụ thể  $64.207.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 22 \text{ ngày} = 6.813.000đ$ .

[2.3.6] Từ ngày 27/12/2013 đến ngày 07/3/2025 là 11 năm 02 tháng 08 ngày. Lãi suất cụ thể  $54.207.000đ \times 10\%/năm \times 11 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 60.652.000đ$ .

[2.4] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà Lê Thị L 54.207.000đ tiền gốc và 92.721.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 146.928.000đ (một trăm bốn sáu triệu chín trăm hai tám nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Bà Lưu Thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 288, 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả bà Lê Thị L 54.207.000đ tiền gốc và 92.721.000đ tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 146.928.000đ (một trăm bốn sáu triệu chín trăm hai tám nghìn đồng). Cụ thể chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn L1 mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Lê Thị L 73.464.000đ (Bảy ba triệu bốn trăm sáu tư nghìn đồng).

2. Về án phí: Chị Hà Thị T, anh Nguyễn Văn L1 mỗi người phải chịu 3.673.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt, niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Thân Trọng Khôi**